



## TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 3 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 221 /QĐ-UBND ngày 02 /4/2026 của UBND xã Trung Hội)

Đơn vị: Đồng

| STT        | Nội dung                                      | Dự toán                | Ước thực hiện         |                              | Ước Quý so (%) |                     |
|------------|-----------------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------|---------------------|
|            |                                               |                        | 3 tháng               | Lũy kế hết ngày<br>31/3/2026 | Dự toán        | Cùng kỳ<br>năm 2025 |
| A          | B                                             | 1                      | 2                     | 3                            | 4              | 5                   |
| <b>A</b>   | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>             | <b>114.929.000.000</b> | <b>38.958.665.227</b> | <b>38.958.665.227</b>        | <b>33,90%</b>  |                     |
| I          | Thu nội địa                                   | 20.182.000.000         | 9.078.172.125         | 9.078.172.125                | 44,98%         |                     |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>          | <b>114.929.000.000</b> | <b>38.958.665.227</b> | <b>38.958.665.227</b>        | <b>33,90%</b>  |                     |
| <b>I</b>   | <b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>      | <b>21.628.000.000</b>  | <b>9.078.172.125</b>  | <b>9.078.172.125</b>         | <b>41,97%</b>  |                     |
| <b>II</b>  | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>      | <b>93.301.000.000</b>  | <b>27.369.341.000</b> | <b>27.369.341.000</b>        | <b>29,33%</b>  |                     |
| 1          | Thu bổ sung cân đối ngân sách                 | 55.316.000.000         | 16.290.000.000        | 16.290.000.000               | 29,45%         |                     |
| 2          | Thu bổ sung có mục tiêu                       | 37.985.000.000         | 11.079.341.000        | 11.079.341.000               | 29,17%         |                     |
| <b>III</b> | <b>Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang</b> |                        | <b>2.511.152.102</b>  |                              |                |                     |
| <b>C</b>   | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                          | <b>114.929.000.000</b> | <b>23.979.895.631</b> | <b>23.979.895.631</b>        | <b>20,86%</b>  |                     |
| <b>I</b>   | <b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>       | <b>114.929.000.000</b> | <b>23.979.895.631</b> | <b>23.979.895.631</b>        | <b>20,86%</b>  |                     |
| 1          | Chi đầu tư phát triển                         | 3.530.000.000          |                       |                              |                |                     |
| 2          | Chi thường xuyên                              | 71.495.000.000         | 23.979.895.631        | 23.979.895.631               | 33,54%         |                     |
| 3          | Dự phòng NSNN                                 | 1.919.000.000          |                       |                              |                |                     |
| 4          | Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ           | 37.985.000.000         |                       |                              |                |                     |